

## NHO HỌC VÀ GIÁO DỤC CÔNG LẬP Ở NAM KỲ THUỘC PHÁP THỜI KÌ 1867 – 1917

TRẦN THỊ THANH THANH\*

### TÓM TẮT

Sau khi chiếm trọn “Lục tỉnh Nam Kỳ” vào năm 1867, giặc Pháp đã tiến hành việc tổ chức cai trị Nam Kỳ theo chế độ thuộc địa. Trong chính sách cai trị của chính quyền thuộc địa, cho đến năm 1917, một trong những bước tổ chức và quản lý giáo dục là loại bỏ dần Nho học và hình thành một nền giáo dục công lập mới tại Nam Kỳ. Bài viết này góp thêm nhận định về tình hình Nho học và giáo dục công lập tại Nam Kỳ từ 1867 đến 1917.

**Từ khóa:** Nho học, giáo dục công lập, Nam Kỳ.

### ABSTRACT

#### *Confucianism and public education in Cochinchina during the years 1867-1917*

After occupying 6 provinces of the Cochinchina (“Six Provinces of Southern Vietnam”) in 1867, the French established an organized colonial ruling. In the policy of the colonial government, remaining unchanged until 1917, one of the step in organizing and managing education was to gradually abolish Confucianism and establish a new public education in Cochinchina. This article contributes further comments on the situation of Confucianism and public education in Cochinchina from 1867 to 1917.

**Keywords:** Confucianism, public education, Cochinchina.

Trong tiến trình lịch sử Việt Nam, từ khi thực dân Pháp xâm lược và đô hộ nước ta, nhà nước quân chủ, độc lập, thống nhất của các triều đại Việt Nam đã dần dần bị thay thế bởi một kiểu cai trị của chế độ thực dân. Tuy triều đình Huế kí với Pháp hòa ước trong đó từ bỏ chủ quyền đối với Nam Kỳ vào năm Giáp Tuất (15-3-1874), nhưng trên thực tế, từ cuối tháng 6-1867, sau khi chiếm trọn 6 tỉnh Nam Kỳ, giặc Pháp đã tiến hành việc tổ chức cai trị Nam Kỳ theo chế độ thuộc địa. Trong chính sách cai trị của chính quyền thuộc địa, cho đến năm 1917, một trong những bước tổ chức và quản lý giáo dục là loại bỏ dần Nho học và hình thành một nền giáo dục công lập mới tại Nam Kỳ.

### 1. Về tên gọi Nam Kỳ

Nam Kỳ là tên gọi trước kia của Nam Bộ ngày nay, được đặt từ năm 1834 dưới triều Nguyễn. Theo chỉ dụ năm Minh Mệnh 15 (1834), ngoài Kinh Sư gồm kinh đô và phủ Thừa Thiên, cả nước được chia thành các khu vực quản lý hành chính với cách gọi chỉ *cự li gần hay xa với kinh đô* về phía Nam và phía Bắc, bao gồm: *Tả Trục* (Quảng Nam, Quảng Ngãi), *Hữu Trục* (Quảng Trị, Quảng Bình), *Tả Kỳ* (Bình Định, Khánh Hòa), *Hữu Kỳ* (Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hóa), *Bắc Kỳ* (Hà Nội, Ninh Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hải Dương, Quảng Yên, Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang, Bắc Ninh, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Cao Bằng) và *Nam Kỳ* (Gia Định, Biên Hòa, Định

\* TS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

Tường, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên)<sup>1</sup>. Dân gian thường dùng tên gọi “**Nam Kỳ Lục tỉnh**”, hoặc chỉ gọi tắt là *Lục tỉnh*.

Sau khi Pháp chiếm Nam Kỳ, *Lục tỉnh* được chia đặt nhiều lần, cuối cùng thành 21 tỉnh (*province*). Trong dân gian, chữ đầu tên các tỉnh được đặt thành vè cho dễ nhớ, khá phổ biến là: *Gia Châu Hà/ Rạch Trà Sa/ Bến Long Tân/ Sóc Thủ Tây/ Biên Mỹ Bà/ Chợ Vĩnh Gò/ Cần Bạc Cáp*. Dân chúng Nam Kỳ thường dùng vè này để nhận biết các ghe thuyền được đăng bộ từ tỉnh nào, thường theo thứ tự cố định là: 1. Gia Định, 2. Châu Đốc, 3. Hà Tiên, 4. Rạch Giá, 5. Trà Vinh, 6. Sa Đéc, 7. Bến Tre, 8. Long Xuyên, 9. Tân An, 10. Sóc Trăng, 11. Thủ Dầu Một, 12. Tây Ninh, 13. Biên Hòa, 14. Mỹ Tho, 15. Bà Rịa, 16. Chợ Lớn, 17. Vĩnh Long, 18. Gò Công, 19. Cần Thơ, 20. Bạc Liêu, 21. Cap Saint Jacques (Vũng Tàu). Chẳng hạn, tỉnh Rạch Giá có số thứ tự là 4. Nhìn số đăng bộ có số 4 đứng đầu, người ta biết ghe thuyền ấy có xuất xứ từ Rạch Giá. Ghe nào có số 20, đó là ghe đến từ tỉnh Bạc Liêu, có số 1 là ghe của Gia Định...

## 2. Việc quản lý giáo dục trong chính quyền Nam Kỳ

Hệ thống trường học công lập tại Nam Kỳ được đặt dưới quyền chỉ đạo của Nha Giám đốc Nội vụ thuộc quyền Thống đốc Nam Kỳ. Trải qua các thời kỳ, một số  ***cơ quan giáo dục***  đã được thành lập để quản trị, chỉ đạo và điều hành giáo dục, chẳng hạn:

- Hội đồng tư vấn học chính (*Conseil Consultatif de l'Instruction Publique*) được thành lập năm 1868. Chức năng của hội đồng này là giúp ý kiến cho chính quyền về các vấn đề giáo dục.

- Sở Học chính công (*Service de l'Instruction Publique*) được thành lập năm 1879, đặt ra chương trình giáo dục Pháp – Việt nhằm loại bỏ dần nền Hán học ở Nam Kỳ.

- Nha học chính Đông Dương (*Direction de l'Instruction Publique de l'Indochine*) được thành lập tháng 11-1905 để nghiên cứu, sửa đổi chương trình giáo dục, do một Giám đốc người Pháp đứng đầu, chỉ đạo trực tiếp 5 Sở Giáo dục cho người bản xứ (*Service de L'Enseignement Local*) của Liên bang Đông Dương. Tại Nam Kỳ, Sở Giáo dục do một Chánh sở (*Chef de Service*) người Pháp đứng đầu.

- Hội đồng Hoàn thiện nền giáo dục bản xứ (*Conseil de Perfectionnement de l'Enseignement indigène*) được thành lập ngày 3-3-1906 để nghiên cứu các vấn đề có liên quan đến việc thiết lập hoặc cải tổ lại nền giáo dục đối với người bản xứ, đưa môn tiếng Pháp và khoa học sơ đẳng vào chương trình thi Hương, duyệt các sách giáo khoa, từ điển, lập lại các trường chữ Nho ở Nam Kỳ. Phân cấp Nam Kỳ của hội đồng này là Hội đồng hoàn thiện giáo dục Nam Kỳ được thành lập ngày 15-5-1906. Tháng 4-1913 Hội đồng này đã quyết định bãi bỏ hẳn việc học chữ Hán trong các trường Pháp – Việt ở hệ cấp I và cấp bổ túc.

- Hội đồng Tư vấn Học chính Đông Dương (*Conseil Consultatif de l'Instruction Publique en Indochine*) được thành lập ngày 21-12-1917. Hội đồng do Toàn quyền Đông Dương làm chủ tịch và Tổng Thanh tra Học chính Đông Dương làm phó chủ tịch.

Các chỉ thị, nghị định về tổ chức và nội dung của giáo dục Nam Kỳ đều đến

từ Dinh Thống đốc, Nha Giám đốc Nội vụ, Phòng Học chính. Các văn bản hành chính, trong đó có những văn bản chỉ thị, mệnh lệnh, quy định về quản lý giáo dục, sau khi được chuyển giao đến các cơ quan quyền lực bằng đường công văn, sẽ được đăng tải trên một loại báo chí được gọi là *Công báo*. Trước năm thành lập Liên bang Đông Dương (1887), tại Nam Kỳ, tờ Gia Định báo (ra đời năm 1865) là một tờ báo tiếng Việt đăng tải nhiều văn bản có tính chất công quyền. Sau đó, Công báo của Toàn quyền Đông Dương với tên gọi “Đông Dương Công báo” (*Journal officiel de l’Indochine*) do Phủ Toàn quyền Đông Dương ấn hành là tờ báo rất quan trọng về hành chính, xuất bản mỗi tuần một kì, đăng đầy đủ các văn kiện của Tổng thống Pháp (Sắc lệnh), Toàn quyền Pháp ở Đông Dương (Nghị định), Hoàng đế Việt Nam (Dụ), Thống sứ Bắc Kỳ, Khâm sứ Trung Kỳ, Thống đốc Nam Kỳ (Nghị định)... Ngoài ra, văn bản hành chính còn được đăng trên các tập san hành chính của 3 kì như: “Bắc Kỳ hành chính tập san” (*Bulletin Administratif du Tonkin*), “Trung Kỳ hành chính tập san” (*Bulletin Administratif de l’Annam*), “Nam Kỳ hành chính tập san” (*Bulletin Administratif de la Cochinchine*)... Việc chuyển giao công văn trong liên lạc giữa Sài Gòn với các tỉnh chủ yếu được thực hiện qua các trạm bưu chính do chính quyền thiết lập, có sử dụng một phần các trạm dịch thời Nguyễn với lực lượng phu trạm chạy bộ hoặc đi ngựa, đi thuyền. Tuy nhiên, với trang bị kĩ thuật ngày càng hiện đại nhằm phục vụ việc cai trị của chính quyền thuộc địa, đến đầu thế kỉ XX liên lạc hành chính giữa các cơ quan

công quyền chủ yếu được thực hiện bằng phương tiện thông thường là điện tín và xe hơi bưu chính (được dân chúng bấy giờ gọi là “*dây thép*” và “*xe tời*”). Riêng thủ phủ của Nam Kỳ và Đông Dương là Sài Gòn liên lạc với “chính quốc” Pháp qua đường dây cáp điện tín được đặt ngầm dưới biển và qua các hãng chuyên chở hàng hải.

Dựa vào đặc điểm tổ chức và quản lý, có thể chia giáo dục công lập ở Nam Kỳ thành các thời kì sau:

- *Thời kì thứ nhất (1867-1878)*: Ngày 24-6-1867, hải quân Pháp đã chiếm trọn vẹn 6 tỉnh Nam Kỳ, bắt đầu thực hiện các chính sách cai trị Nam Kỳ trong đó có chính sách về giáo dục, thành lập một trường dạy tiếng Pháp ở Sài Gòn. Từ đây, nền giáo dục Nam Kỳ được đặt trong sự cai quản của các Thống đốc quân sự Pháp. Bên cạnh nền giáo dục mới đang manh nha, Nho học vẫn được duy trì trong tình hình ngày càng suy tàn. Đây là thời kì song hành hai nền giáo dục: cựu học (Nho học) và tân học (Tây học, giáo dục Âu hóa). Tân học hay Tây học là thuật ngữ dùng chỉ một loại hình, một thời kì giáo dục thay thế giáo dục Nho học.

- *Thời kì thứ hai (1879-1917)*: Ngày 17-3-1879, Sở Học chính công (*Service de l’instruction publique*) của Nam Kỳ được thành lập. Từ đây, chính quyền Nam Kỳ với các Thống đốc dân sự đã thực hiện liên tục và mạnh mẽ việc thiết lập một hệ thống giáo dục 3 cấp trên toàn Nam Kỳ theo mô hình trường học của Pháp. Đây là thời kì nền giáo dục tân học, Âu hóa được triển khai với 2 cuộc cải cách về giáo dục.

- *Thời kì thứ ba (1917-1945)*: Ngày

21-12-1917, Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut kí Nghị định ban hành “Học chính tổng quy” hay còn gọi là “Quy chế chung của ngành giáo dục ở Đông Dương (*Règlement général de l’instruction publique*)<sup>2</sup> đặt nền móng cho hệ thống giáo dục Pháp dành cho người bản xứ thực hiện trên toàn Đông Dương, trong đó có Nam Kỳ. Từ đây, cùng với việc củng cố và mở rộng bộ máy cai trị, chính quyền Pháp tại Nam Kỳ đã hoàn thiện các cơ quan quản lí giáo dục, củng cố và mở rộng nội dung giáo dục ở Nam Kỳ, hoàn thiện hệ thống giáo dục công lập của Pháp dành cho Nam Kỳ. Nho học trong giáo dục công lập thực sự cáo chung.

### 3. Tình hình Nho học và giáo dục công lập tại Nam Kỳ đến năm 1917

Trước thời Pháp chiếm Nam Kỳ, **hệ thống trường Nho học** được lập đến phủ huyện. Triều đình bổ nhiệm các quan chức giáo dục trông coi việc học, trường tỉnh có Đốc học, trường phủ có Giáo thụ, trường huyện có Huân đạo. Việc tổ chức học hành và thi cử nhằm đào tạo lớp người làm chính sự, lựa chọn nhân tài cho đất nước, giúp triều đình giữ gìn và xây dựng quốc gia, đào tạo lớp người “kẻ sĩ”, “nho gia”, “quan tử”, sống theo “đạo lí thánh hiền”. Các kì thi được tổ chức theo định kì, thi Hương thi Hội và thi Đình. Toàn Nam Kỳ có một trường thi Hương là trường thi Gia Định. Sĩ tử Nam Kỳ phải ra kinh đô Huế để thi Hội, thi Đình. Tại các trường Nho học không có sự phân chia các môn học. Phương pháp giảng dạy của thầy tùy theo trình độ học tập của trò. Triều đình không có hình thức trường sư phạm đào tạo thầy giáo. Những Nho gia từng thi cử, đỗ đạt đều có

thể trở thành thầy đồ, chí hướng phổ biến là “tiên vi quan, thoái vi sư” - đỗ đạt thì ra làm quan, không đỗ đạt hoặc hư trí, hoặc từ quan đều có thể về làng mở trường dạy học. Có nhiều nhà giáo nổi tiếng về tài năng, đức độ nhưng không có người nào đúc kết kinh nghiệm giảng dạy thành sách vở để truyền lại cho đời sau.

Nho học ở Nam Kỳ đã có nhiều danh Nho và đào tạo được nhiều nhân tài. Nho sĩ Nam Kỳ trong những biến cố sống còn của dân tộc cuối thế kỉ XIX đã là chỗ dựa tinh thần của nhân dân trong phong trào yêu nước, đã nêu cao sĩ khí và nghĩa khí đấu tranh bất khuất chống giặc ngoại xâm, đã xả thân cùng nhân dân đánh giặc, thậm chí dùng cái chết để bảo vệ tiết tháo nhà nho, trở thành những anh hùng và thánh nhân trong kí ức dân tộc. Cùng với Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ khoa Nguyễn Hữu Huân, nhiều sĩ tử - nghĩa sĩ, nhiều nhà nho Nam Kỳ giai đoạn này đã đi vào lịch sử dân tộc, như nhà giáo - nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu, Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa, cử nhân Trương Gia Hội, Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Nguyễn Thành Ý, Âu Dương Lâm, Trương Minh Giảng, Huỳnh Mẫn Đạt, Hồ Huân Nghiệp, Trần Xuân Hòa, Đỗ Trình Thoại, Phan Văn Đạt, Lưu Tân Thiện, Đinh Văn Huy...

Giáo dục Nho học coi trọng việc tu thân, trau dồi đạo học, không chú trọng khoa học thực dụng. Nho học đến những năm giữa thế kỉ XIX đã trở thành một lực cản của sự phát triển xã hội, nội dung và phương pháp giáo dục của Nho học đã trở nên lỗi thời, không đào tạo được lớp người hữu dụng trong việc phát triển khoa học kĩ thuật, mở mang kinh tế, củng cố tiềm lực quốc phòng trước sự xâm

lãng của tư bản phương Tây. Nhưng Nho học trải nhiều thế kỉ trước đó đã góp phần đào tạo những Nho gia Việt Nam xuất sắc trên nhiều lĩnh vực quan trọng của đất nước, với các nhà quân sự, nhà ngoại giao, nhà bác học, sử gia, danh y, nhà giáo... hội tụ nguyên khí và lương tri của dân tộc Việt Nam. Cuộc xâm lăng của thực dân Pháp đã tác động mạnh mẽ đến sự phân hóa của Nho học ở Nam Kỳ, tạo ra sự thay đổi sâu sắc và toàn diện về ý thức chính trị cũng như đời sống tư tưởng của các nhà nho ở Nam Kỳ. Những nhà nho ưu tú nhất đã tập hợp trong phong trào chống Pháp, và không khỏi cay đắng trước nỗi ngang trái “kháng lệnh vua” của các anh hùng như Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân... Trong thực tế, khi triều đình thỏa hiệp với giặc, bỏ rơi ngọn cờ kháng chiến, các nhà nho yêu nước Nam Kỳ đã đẩy lên một trào lưu tư tưởng mới, trong đó, quan niệm “trung quân” của Nho gia biến đổi theo dòng ý thức của nhân dân yêu nước võ trang chống Pháp, kháng mệnh triều đình. Chính từ thực tiễn tham gia và lãnh đạo phong trào của nhân dân, nhiều nhà nho đã dần dần thừa nhận sự đối lập giữa chuẩn mực đạo đức của Nho học chính thống với quyền lợi dân tộc và nguyện vọng nhân dân, để rồi đi đến chỗ đối kháng với triều đình phong kiến “phen này quyết đánh cả triều lẫn Tây”, “chẳng nghe Thiên tử chiếu”<sup>3</sup>...

Giáo dục Việt Nam truyền thống gắn liền với Nho học. Nho học bấy giờ mang nội dung yêu nước, giáo dục Nho học dạy nghĩa lớn là chống quân xâm lược. Chiếm Việt Nam, thực dân Pháp muốn cắt đứt quá khứ đó. Mối lo ngại lớn nhất của thực dân Pháp là phong trào

chống Pháp của người dân Nam Kỳ đang nổ ra mạnh mẽ với nòng cốt lãnh đạo là các sĩ phu Nho học. Khi thực dân Pháp đặt chế độ trực trị lên đất Nam Kỳ, trong thời kì đầu (1867-1878), do chưa thể xóa bỏ ngay nền giáo dục Nho học, thực dân Pháp vẫn duy trì chế độ tổ chức giáo dục của triều Nguyễn trong một thời gian, thực hiện từng bước thay thế giáo dục Nho học bằng nền giáo dục mới phù hợp với yêu cầu cai trị. Việc tổ chức nền giáo dục Nho học ở Nam Kỳ từ 1867 đến trước năm 1878 cơ bản vẫn giữ các chế độ do triều Nguyễn đề ra. Đứng đầu ngành giáo dục ở mỗi tỉnh là một Đốc học chịu trách nhiệm chỉ đạo giáo dục từ phủ, huyện đến xã trên toàn tỉnh, lo tổ chức các kì thi, kiểm tra việc dạy việc học. Đốc học có trách nhiệm triệu tập, khảo hạch các sĩ tử và kiến nghị chính quyền miễn binh dịch, lao dịch cho những người giỏi, tuyển dụng những người đã đỗ tú tài, cử nhân làm thư lại tập sự trong văn phòng các phủ huyện... Đốc học chịu sự chỉ đạo trực tiếp của viên chủ tỉnh. Dưới Đốc học có Giáo thụ ở cấp phủ, Huấn đạo ở cấp huyện. Đốc học được tuyển chọn từ các Tri phủ có năng lực và được nâng lương theo thời hạn 3 năm một lần. Các chức Giáo thụ và Huấn đạo được tuyển từ Tú tài và Cử nhân.

Giáo dục Nho học gắn liền với chữ Hán. Chữ Hán và nền giáo dục Nho học được xem là công cụ đắc lực để các sĩ phu truyền bá tư tưởng yêu nước chống Pháp. Với chủ trương phổ biến sâu rộng chữ quốc ngữ và tiếng Pháp trong xã hội, chính quyền Nam Kỳ hi vọng có thể loại bỏ chữ Hán và Nho học, tức là loại trừ ảnh hưởng của các sĩ phu yêu nước trong

đời sống tinh thần của nhân dân. Sự suy tàn của nền giáo dục Nho học được ghi nhận bằng quá trình thay thế dần và tiến tới loại bỏ hẳn việc dùng chữ Hán. Chế độ khoa cử bị bãi bỏ ở miền Đông Nam Kỳ sau khoa thi năm 1861 và ở miền Tây Nam Kỳ sau khoa thi năm 1864, với kì thi Hương cuối cùng tổ chức ở trường thi An Giang. Từ đó đến năm 1878 được coi là thời kì quá độ từ giáo dục Nho học sang giáo dục Tây học. Hàng loạt thông tư, nghị định có nội dung bắt buộc chấm dứt dùng chữ Hán, thay bằng “chữ có mẫu tự la tinh” trong hệ thống hành chính nhà nước đã được chính quyền thuộc địa ở Nam Kỳ ban hành. “Chữ có mẫu tự latin” gồm chữ Pháp và chữ quốc ngữ. Chữ quốc ngữ được người Pháp gọi là “chữ viết của tiếng An Nam bằng mẫu tự La tinh”, người Nam Kỳ bấy giờ gọi là “quốc âm chữ Lang sa”, hay “tiếng An Nam chữ Lang sa”... Có thể kể một số quyết định tiêu biểu sau đây:

- Ngày 17-11-1874, Thống đốc Nam Kỳ<sup>4</sup> kí Nghị định tổ chức lại ngành học chính với 4 khoản và 23 điều. Đây là bản quy chế giáo dục đầu tiên về giáo dục của Pháp ở Việt Nam, được áp dụng từ năm 1874 đến năm 1879, theo đó, nền giáo dục của Pháp ở Nam Kỳ được chia làm 2 bậc: tiểu học và trung học. Nghị định này đã công bố giáo dục công hoàn toàn miễn phí và tự do, được quy định bởi những điều lệ tổng quát hiện hành tại Pháp. Theo Nghị định này, không trường tư thực nào được mở nếu không có phép của chính quyền, nhằm kiểm soát các trường Hán học, đồng thời khuyến khích các thầy đồ dạy thêm chữ quốc ngữ với mức thưởng 200 franc/năm.

- Nghị định 6-4-1878 quy định việc

viết, kí và công bố mọi giấy tờ hành chính, văn kiện chính thức, nghị định, quyết định, sắc lệnh, phán quyết, chỉ thị... phải bằng chữ quốc ngữ. Trong ngạch phủ, huyện, tổng, không cho phép tuyển dụng, thăng trật người không biết chữ quốc ngữ. Các chức dịch trong làng sẽ được miễn một nửa hoặc toàn bộ thuế thân nếu biết chữ quốc ngữ... Sau năm này, trong các cơ quan hành chính, chữ Hán được thay thế bằng chữ Pháp và chữ quốc ngữ trong mọi công văn giấy tờ.

- Ngày 17-3-1879, sau khi thành lập Sở Học chính Nam Kỳ, Thống đốc Nam Kỳ Lafont kí ban hành bản quy chế về tổ chức nền học chính mới, được thực hiện đến năm 1917. Theo quy chế này, hệ thống giáo dục được chia thành 3 cấp: Cấp I, Cấp II và Cấp III. Chữ quốc ngữ được dạy chính thức trong môn tập đọc và viết tường thuật. Thông tư ngày 28-10-1879 quy định thưởng tiền cho những làng nào viết được công văn bằng chữ quốc ngữ.

- Nghị định 14-6-1880 cho phép “mỗi làng, thị trấn của tổng không có trường Pháp sẽ thiết lập một trường dạy chữ quốc ngữ” và “những làng nhỏ có một trường dạy chữ quốc ngữ sẽ được miễn mọi thuế đóng góp cho trường hàng tổng”.

- Ngày 21-12-1917, Toàn quyền Đông Dương Albert Sarraut kí Nghị định ban hành “Quy chế chung của ngành giáo dục ở Đông Dương (*Règlement général de l'instruction publique*)<sup>5</sup> hay còn gọi là “Học chính tổng quy”. Quy chế này đặt nền móng cho hệ thống giáo dục Pháp dành cho người bản xứ thực hiện trên toàn Đông Dương, trong đó có Nam Kỳ. Theo quy chế này, tất cả các trường dạy

chữ Nho hiện có ở Việt Nam, dù là của chính phủ Nam triều mở như Quốc Tử Giám, đều xếp vào loại trường tư, đều phải tuân thủ mọi quy chế do chính quyền cấp “xứ” đề ra...

Những văn bản công quyền này liên quan trực tiếp đến việc quản lý các trường công lập, buộc việc dạy và học trong các trường học không được dùng chữ Hán nữa. Điều này nằm trong những cố gắng thay thế dần nền giáo dục Nho học bằng nền giáo dục mới do chính quyền thuộc địa Pháp ở Nam Kỳ quy định.

Khi không còn các kì thi Hương của nền giáo dục Nho học, việc dạy chữ Hán, chữ Nôm vẫn được duy trì âm thầm trong các trường làng của thầy đồ, hoặc trong các ngôi chùa Việt. Đồng thời, việc dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ vốn được các nhà truyền giáo của Đạo Thiên Chúa tiến hành bí mật hoặc bán công khai trong các nhà thờ từ những thế kỉ trước với người học là các con chiên, đã dần trở thành công khai và chính quy. Vùng đất Nam Kỳ, nơi đầu tiên Pháp chiếm được của Việt Nam, đã trở thành nơi thực hiện thí điểm những cải cách giáo dục. Nho học được thay thế dần bằng một nền giáo dục mới (“tân học”).

**Nền giáo dục công lập mới ở Nam Kỳ** nói riêng và ở Việt Nam thời Pháp thuộc nói chung thực chất là hệ thống giáo dục của nước Pháp được người Pháp ở Việt Nam điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu cai trị. Chế độ và tổ chức giáo dục có hình thức tương tự như ở Pháp. Nền giáo dục này được gọi là “Giáo dục Pháp cho người bản xứ” (*Enseignement Franco-Indigène*), bây giờ được gọi theo nghĩa tiếng Việt là

“giáo dục Pháp - Việt”, hay thông dụng hơn là “giáo dục Pháp - An Nam”, “giáo dục Pháp - Nam”<sup>6</sup>. Với hệ thống giáo dục Pháp - Việt, chính quyền Pháp ở Nam Kỳ chủ trương đào tạo một số người biết tiếng Pháp, chữ quốc ngữ, có chút kiến thức về văn minh phương Tây để làm công chức bậc thấp phục vụ cho chính quyền thuộc địa, và lâu dài sẽ đạt được mục tiêu lí tưởng là “*biến người bản xứ thành những người Pháp về phương diện văn hóa*”<sup>7</sup>. Một đặc điểm của nền giáo dục này là tiếng Pháp được dùng trong lớp học (giảng bài, làm bài) và trong sách giáo khoa như một ngôn ngữ chính. Chỉ những lớp vỡ lòng được dùng tiếng Việt làm chuyên ngữ, sau đó tiếng Việt được học như một ngoại ngữ.

Đến năm kí kết Hòa ước Giáp Thân (1884), tại Nam Kỳ có các loại trường sau thuộc chế độ công lập:

- Trường cấp I đặt ở tổng, được gọi là trường hàng tổng (*École de cantonales*). Thời gian học: 3 năm. Chương trình học: chữ quốc ngữ, tiếng Pháp, bốn phép tính. Cuối cấp I phải thi lên cấp II.

- Trường cấp II đặt ở quận, được gọi là trường hàng quận (*École d'arrondissements*). Thời gian học: 3 năm. Chương trình học: tiếng Pháp, chữ quốc ngữ, chữ nho, Toán, Lịch sử, Địa lí. Chữ nho và chữ quốc ngữ mỗi tuần chỉ học 2 ngày. Các môn khác đều học bằng tiếng Pháp. Cuối cấp II có một kì thi để lấy bằng Sơ học (*Brevet élémentaire*).

- Trường cấp III còn được gọi là trường trung học. Cuối cấp III có một kì thi để lấy bằng Cao học (*Brevet Supérieur*).

- Trường Bá Đa Lộc chuyển thành

trường trung học năm 1879.

- Trường Trung học Mỹ Tho (*Collège de Mytho*) được mở năm 1879, ba năm sau (1881) đổi tên thành Trường Le Myre de Vilers (tên của Thống đốc dân sự đầu tiên của Nam Kỳ).

Bây giờ toàn Nam Kỳ chỉ có 3 trường trung học: Trường Bá Đa Lộc và Trường Chasseloups Laubat ở Sài Gòn, Trường Le Myre de Vilers ở Mỹ Tho.

Trong việc phát triển hệ thống trường phổ thông công lập Pháp - Việt, các Quy chế 1874 và 1879 được ban hành chỉ có ý nghĩa pháp lý công quyền, còn trong thực tế, kết quả mở trường vẫn rất hạn chế do tình trạng thiếu giáo viên, thiếu sách giáo khoa, thiếu giáo cụ, chất lượng giáo viên kém. Trong quản lý giáo dục cấp tỉnh, theo báo cáo của một quan chức thuộc địa là J. Besançon<sup>8</sup>, giới quan chức đầu tỉnh “*có quyền lợi khi để cho người dân An Nam ở trong tình trạng hoàn toàn dốt chữ Pháp. Một người dân An Nam nếu là nạn nhân của sự hà lạm của chính quyền thì không có phương tiện gì trong tay để kêu lên cấp trên*”. Các chủ tỉnh thường không nhận đơn xin việc, “*vì các giáo viên biết tiếng Pháp và có thể tố cáo họ, điều này họ cần tuyệt đối tránh*”. Về chương trình học, “*họ làm đi làm lại tùy theo sở thích của họ, nghĩa là thường không có chương trình gì cả*”, kết quả là “*học sinh vẫn tỏ ra tồi và dốt nát*”... Tại Nam Kỳ, mục đích sử dụng giáo dục như một công cụ phục vụ cho công cuộc cai trị dân bản xứ đã thể hiện ở quy mô, số học sinh của các loại trường học được mở sau 20 năm (1866-1886) từ khi áp dụng nền giáo dục mới. Dựa vào thống kê của các quan chức thuộc địa Paullus và Boinais<sup>9</sup>, chỉ tính riêng các

trường công lập từ quận đến xã trên toàn Nam Kỳ năm 1886, có thể thấy quy mô mở trường còn ít ỏi (Số trường hàng tổng và hàng xã: 300; Số giáo viên người Việt: 503; Số học sinh các cấp: 18.231), nếu tính trung bình, mỗi trường hàng quận có gần 100 học sinh với khoảng 3-4 giáo viên, mỗi trường hàng tổng có gần 50 học sinh với khoảng 1-2 giáo viên, mỗi trường hàng xã có gần 40 học sinh, do 1 giáo viên giảng dạy.

Như vậy, tỉ lệ đi học trong các trường công chưa đến 1% (dân số Nam Kỳ lúc đó khoảng 2 triệu người). Các trường cấp tổng, cấp xã có số lượng áp đảo (300/343) nhưng chất lượng rất hạn chế. Trong các báo cáo thường niên về giáo dục, các nhà cai trị người Pháp than phiền rằng sau mấy chục năm chiếm Việt Nam, họ chỉ đào tạo được “*vài trăm người An Nam nói tiếng Pháp, vài ngàn người nói sai tiếng Pháp, đó là những bồi bếp, những người kéo xe... Dân chúng còn lại thì không biết chữ An Nam lẫn chữ Pháp*”<sup>10</sup>, “*người An Nam vẫn nói tiếng của họ nhưng lại không biết đọc biết viết*”, đó cũng là kết quả của việc mở trường ở Nam Kỳ.

Trong tình hình trường công như vậy, bất chấp sự cấm cản của nhà cầm quyền Pháp, các trường dân lập, tư thục vẫn tồn tại, các thầy đồ vẫn tiếp tục mở trường dạy Nho học. Các trường dạy Nho học vẫn tồn tại với gần 8496 học sinh và 426 thầy đồ trên tổng số 27473 học sinh, số học sinh của các thầy đồ chiếm 31%<sup>11</sup>. Trường làng vẫn được duy trì, do các làng đóng góp tổ chức và các thầy đồ dạy chữ Hán, Nho học. Đa số thầy giáo là những nhà nho yêu nước, có uy tín trong nhân dân, bất hợp tác với giặc, tìm cách



chống lại chúng hoặc mở trường dạy học ở làng. Nhiều trường làng là nơi giáo dục trẻ em tinh thần yêu nước bài Tây. Chính quyền bấy giờ phải thừa nhận “dân tộc Việt Nam đã có độ dày truyền thống văn hóa của mình”, “việc xâm chiếm đất đai đã khó, việc chinh phục tinh thần (*conquête morale*) còn khó hơn nhiều”<sup>12</sup>.

Đến cuối năm 1905, ở Nam Kỳ, ngoài một vài trường trung học ở Sài Gòn, Mỹ Tho, tại các tỉnh phần lớn các tổng, xã đều có trường tiểu học Pháp - Việt dạy chữ Pháp và quốc ngữ, bãi bỏ hầu như hoàn toàn chữ Hán. Ở Bắc Kỳ và Trung Kỳ, số trường dạy chữ Pháp và chữ quốc ngữ còn rất ít. Riêng ở Trung Kỳ, số trường dạy chữ Hán lại khá nhiều. Do vậy, Toàn quyền Đông Dương Paul Beau lên thay Paul Doumer đã thực hiện cải cách giáo dục vào năm 1906 nhằm quản lý trực tiếp và thống nhất nền giáo dục, thực hiện xen kẽ 2 chương trình Pháp - Việt và Nho học. *Chương trình Pháp - Việt* được chia là 2 bậc: tiểu học và trung học, chủ yếu học bằng tiếng Pháp. Người có bằng tốt nghiệp tiểu học Pháp - Việt có thể làm giáo viên hay công chức trong bộ máy chính quyền thực dân hoặc thi vào các trường trung học. Bậc trung học được chia làm hai cấp là trung học đệ nhất cấp và trung học đệ nhị cấp. Trung học đệ nhất cấp được chia làm hai ban: Ban Văn học và Ban Khoa học. Ban Khoa học được chia làm 3 ngành: nông nghiệp, công nghiệp và thương nghiệp. *Chương trình Nho học* được chia làm 3 bậc: ấu học, tiểu học và trung học. Ấu học mở ở cấp tổng và tiểu học mở ở phủ, huyện, đều do các huấn đạo, giáo thụ chịu trách nhiệm. Học các môn bằng tiếng Pháp, tiếng Việt và chữ

Hán nhưng chữ Pháp học ít nhất. Người tốt nghiệp tiểu học được miễn sưu dịch 3 năm và được học lên trung học. Trung học thường mở ở các tỉnh lỵ do Đốc học phụ trách, học sinh được cấp học bổng. Chương trình học vẫn gồm các môn của cả tiếng Pháp, tiếng Việt và chữ Hán nhưng chữ Hán được học ít nhất. Người tốt nghiệp trung học được miễn sưu dịch 1 năm và được đi thi Hương.

Ở Nam Kỳ, chế độ chính trị và giáo dục đều theo quy chế thuộc địa. Ở đây không có trường đại học, cao đẳng. Chương trình trung học chủ yếu theo chương trình trung học của Pháp. Chương trình học Đệ nhị cấp (còn gọi là ban Trung học chuyên khoa) dựa theo chương trình trung học Pháp, sử dụng tiếng Pháp làm chuyên ngữ. Tại Sài Gòn có 2 trường Trung học là Chasseloup Laubat và Petrus Trương Vĩnh Ký. Từ năm 1917, sách giáo khoa bằng chữ quốc ngữ và chữ Hán được Hội đồng cải cách giáo dục tổ chức biên soạn. Sách quốc ngữ bao gồm các môn: Tập đọc (gồm các bài có nội dung về hành chính, phong tục, những nguyên tắc về đạo đức, giải thích một số hiện tượng thiên nhiên, các lời khuyên về vệ sinh); các môn khoa học như Toán pháp, Cách trí, Vệ sinh, Ngữ pháp sơ giải, Địa dư thế giới, Địa dư Đông Dương và Pháp... Sách chữ Hán bao gồm: Luân lý Nho giáo, Lịch sử Việt Nam (gồm cả chế độ cai trị, luật pháp ở Đông Dương)... Sách chữ Pháp bao gồm các sách giáo khoa đã được biên soạn cho các trường ở Nam Kỳ.

Thực dân Pháp chú trọng phát triển giáo dục vì các lý do cơ bản: cần “chinh phục tinh thần” của người bản xứ sau khi đã hoàn tất công cuộc “chinh phục đất

đại”; cần đào tạo một lớp người giúp việc trung thành; cần tạo điều kiện để người Pháp có thể trực tiếp giao thiệp với dân chúng Việt Nam mà không cần thông qua những người trung gian... Những lí do này chi phối nội dung của nền giáo dục mới, được dần dần hình thành và phát triển trong thời đô hộ: “*chỉ cần dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán một chút thôi, biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích*”<sup>13</sup>. Việc tổ chức các trường tiểu học và trung học vẫn chủ yếu nhằm dạy chữ và kiến thức khoa học sơ giản, đủ để người học ra trường có thể làm được công chức hạng thấp, chạy việc cho các cơ sở hành chính, hãng buôn...

**Về các trường công lập dạy nghề,** từ trước năm 1867, trong thời gian đầu chiếm đóng, do nhu cầu cấp thiết cần đội ngũ phiên dịch viên (bấy giờ gọi là thông ngôn), thực dân Pháp cho mở trường đào tạo thông ngôn người Việt và dạy một số người Pháp học tiếng Việt. Tại Sài Gòn có Trường Bá Đa Lộc dạy tiếng Việt cho một số quân nhân Pháp và tiếng Pháp cho một số người Việt, do Hội truyền giáo thành lập và giao cho các tu sĩ điều hành, giảng dạy. Năm 1861, trường này được tổ chức thành Trường Thông ngôn (*Collège des Interprètes*), trường công lập kiểu Pháp đầu tiên, bổ sung nguồn thông ngôn Pháp - Việt, Việt - Pháp cho quân Pháp đang chiếm đóng ở Nam Kỳ. Người học chủ yếu là quân nhân. Học bổng cho người học được cấp từ quỹ quân đội. Từ 1866 đến 1868, Trương Vĩnh Ký được cử cai quản trường Thông ngôn, đã dùng tờ *Gia Định báo*<sup>14</sup> làm tài liệu học tiếng Việt. Việc mở trường đào tạo thông ngôn là bước đầu tiên của việc thiết lập một nền giáo dục Âu hóa tại Nam Kỳ. Trên

thực tế, đây là một cơ sở đào tạo nhân viên phục vụ cho quân đội Pháp đang chiếm đóng ở Nam Kỳ.

Ngày 7-5-1867, chính quyền Pháp ở Nam Kỳ đã “*quy định một kì thi dành cho những người An Nam muốn vào ngạch giáo dục*”<sup>15</sup>, theo đó, người Việt đi học để làm giáo viên tiểu học được chia làm hai hạng. Hạng nhì chỉ học đọc và viết chữ quốc ngữ, học bốn phép tính và vài khái niệm đo lường. Hạng nhất có thêm một bài dịch. Học viên sẽ được nhận học bổng, sau một khóa thực tập được lĩnh chứng chỉ dạy học. Ngày 10-7-1871, Thống đốc Nam Kỳ Dupré thành lập một trường sư phạm thuộc địa (*École normale coloniale*) tại Sài Gòn, đào tạo giáo viên dạy cho các trường tiểu học được mở ở các thị trấn trong năm này<sup>16</sup>. Trường sư phạm có một trường tiểu học trực thuộc làm cơ sở thực hành<sup>17</sup>. Học viên trường sư phạm có hạn tuổi từ 16-25, học nội trú và được chính quyền chu cấp. Những học viên tốt nghiệp trường này sẽ trở thành giáo viên trường tiểu học ở các tỉnh. Điều hành trường sư phạm là Hiệu trưởng và ba giáo sư, đều là người Pháp, có bằng đại học, bằng nghiệp vụ (*brevet de capacité*) hoặc có chức vụ thông ngôn. Ba phụ giảng người Việt đều là giáo viên tiểu học hạng nhất (*instituteur de 1 ère classe*). Chính quyền thành lập một ủy ban kiểm tra, một ủy ban soạn chương trình học cho trường sư phạm và soạn sách cho giáo viên.

Nghị định ngày 31-7-1871 về việc tăng lương cho giáo viên tiểu học đã quy định mỗi ngày dạy học giáo viên được thêm 1 franc. Đồng thời chia học viên trường sư phạm làm 3 hạng, nâng cao trình độ thi tốt nghiệp, quy định chương

trình thi nặng hơn. Về bằng cấp, học viên tốt nghiệp giáo viên hạng 1 nhận bằng cao đẳng, tốt nghiệp giáo viên hạng 2 và 3 nhận bằng sơ đẳng. Tuy vậy, số người học làm giáo viên còn rất ít. Sĩ số trường sư phạm đến tháng 10-1872 chỉ có 20 người. Năm 1874, trường sư phạm đổi thành Trường Trung học Chasseloups Laubat (lấy tên của một bộ trưởng bộ Hải ngoại Pháp). Trong trường sư phạm, việc dạy chữ Pháp là chính, chữ Nho và chữ quốc ngữ là phụ. Thời gian học được quy định là 3 năm, chương trình học có các môn chính là tiếng Pháp, chữ quốc ngữ, Toán, Địa lí, Lịch sử (không học lịch sử Việt Nam). Có thi tốt nghiệp kết thúc bậc trung học. Từ ngày 1-1-1879, người có bằng *Brevet de capacité* có thể được làm giáo viên, mức lương 600 franc một năm.

Cùng với việc mở một số trường dạy nghề về giáo dục trên, chính quyền Nam Kỳ mở thêm Trường Tập sự (*Collège des Stagiaires*) vào năm 1873 tại Sài Gòn nhằm đào tạo nhân viên hành chánh cho bộ máy cai trị ở các tỉnh thuộc Nam Kỳ. Sau khi học xong, học viên có thể được bổ nhiệm làm thanh tra dân sự, do vậy trường này còn được gọi là trường Hậu bổ, một kiểu trường dạy nghề “làm quan cai trị”. Tại Sài Gòn có Trường Y tế thực hành bản xứ (*École Pratique de médecine indigène*) được mở vào năm 1903 nhằm đào tạo y tá và nữ hộ sinh người Việt.

Ngoài ra, tại Nam Kỳ có một số trường kĩ thuật và mỹ thuật có tính chất dạy nghề. Các trường kĩ thuật đào tạo thợ chuyên môn hoặc đốc công, giám thị... chủ yếu nhằm phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa, đáp ứng việc mở rộng các cơ sở công nghiệp vừa và nhỏ, sơ chế và

chế biến, sản xuất các mặt hàng sử dụng nguyên liệu địa phương... Có thể kể tên một số trường dạy nghề tiêu biểu: Trường Mĩ nghệ Thủ Dầu Một (được lập năm 1901, chủ yếu dạy các nghề thêu, khảm và vẽ), Trường Mĩ nghệ Biên Hòa (được lập năm 1903, gồm 3 ban dạy chuyên nghề về gỗ, sắt và đồ trang sức), Trường Công chính (được lập năm 1902, đào tạo nhân viên kĩ thuật công chính người Việt)... Năm 1906, chính quyền Pháp thành lập Trường Cơ khí Á châu ở Sài Gòn (*Ecole des mecaniciens Asiatique de Saigon*): Trường có 3 ngành (ngươi, mộc, đúc), thời gian học 3 năm, tuyển học sinh từ 16 tuổi. Mục tiêu của trường (còn có tên là trường Bá nghệ) là đào tạo công nhân kĩ thuật người bản xứ có trình độ cao cho Hải quân Pháp. Năm 1908, một hệ thống trường được gọi là Trường Dự bị (*Écoles Préparatoires*) được mở tại Nam Kỳ, được tổ chức như một hệ thống chuyển tiếp sang chương trình Pháp - Việt. Năm 1917, Toàn quyền Đông Dương kí nghị định mở Trường Thực hành Nông lâm nghiệp Bến Cát, Thủ Dầu Một: Học sinh được đào tạo trong 2 năm để làm đốc công, giám thị cho các công trường khai thác lâm nghiệp, các đồn điền nông nghiệp, các cơ sở kinh doanh nghề làm vườn, cây cảnh, nuôi tằm...

#### 4. Góp thêm nhận định

Từ 1884, nền giáo dục học đường của Việt Nam hoàn toàn thuộc quyền quản lí, tổ chức, điều hành của chính quyền thuộc địa Pháp. Trường học mới được mở, chương trình học mới được thực hiện. Song do mục tiêu chủ yếu của người Pháp không phải là mở mang dân trí, nên trong giáo dục, chính quyền cai trị đã tiến hành cải cách theo kiểu cầm

chùng, chế biến dần dần, để nội dung giáo dục phù hợp với tình hình thực tế, bối cảnh lịch sử và nhu cầu cai trị.

Thực dân Pháp đã quan tâm đến giáo dục, không hoàn toàn là để “khai hóa”, “khai sáng” văn minh, mà thực tế xuất phát từ nhu cầu phục vụ bộ máy cai trị, từ tham vọng biến Việt Nam thành một thị trường phục vụ cho công cuộc “khai thác” thuộc địa, vì lợi ích của chính nước Pháp. Trừ bậc sơ học, học sinh từ tiểu học đến trung học đều học bằng tiếng Pháp. Môn tiếng Việt trở thành một môn phụ, các giờ Việt văn trở thành giờ ngoại ngữ với chính học sinh Việt Nam. Trong nội dung của các bộ môn khoa học xã hội, học sinh được tiếp xúc chủ yếu với lịch sử và văn chương Pháp, hầu như vắng bóng kho tàng văn học dân tộc phong phú, lịch sử dân tộc anh hùng. Từ năm thứ ba cao đẳng Tiểu học, trong chương trình học không còn môn Lịch sử Việt Nam. Những cuộc khởi nghĩa của nhân dân chống chính quyền thống trị được xem là bạo loạn, giặc cướp. Trong chương trình học và sách giáo khoa, lịch sử nước Pháp được coi là quốc sử, học sinh được học nhiều về “sự khai hóa của Pháp ở An Nam”...

Tuy nhiên, tính chất quy củ, hệ thống của việc tổ chức dạy và học, phương pháp sư phạm kết hợp học với hành, phương pháp học tập có tài liệu tham khảo, có sách giáo khoa... có một tác dụng tích cực góp phần giúp học sinh Việt Nam có một hệ thống tri thức mới, thiết thực hơn, đa dạng hơn so với nền giáo dục cũ, đáp ứng được phần nào yêu cầu của cuộc sống thực tiễn. Hệ thống giáo dục chủ yếu mang tính kế hoạch chứ chưa được hiện thực hóa hoàn toàn, song

cũng đã mở ra các cấp học, bao gồm bậc Tiểu học, bậc Trung học và hệ thống các trường dạy nghề. Chế độ giáo dục và thi cử được mở rộng hơn. Trong thực tế, chính quyền thuộc địa chủ trương mở trường học chủ yếu nhằm đào tạo những viên chức bậc thấp, có tri thức đủ để làm thông ngôn, kí lục cho chính quyền ở cấp địa phương, hoặc chạy việc cho các cơ sở kinh doanh, nhà buôn, chủ đồn điền, hoặc làm đốc công, công nhân kĩ thuật trong các xưởng thợ... Nam Kỳ không có trường cao đẳng và trường đại học, trong hệ thống giáo dục chuyên nghiệp chỉ có một số trường kĩ thuật, trường nghề, tuy có góp phần khôi phục những ngành nghề truyền thống như mộc, đan lát mây tre, làm đường, làm gốm, làm gạch ngói... nhưng chỉ có quy mô vừa và nhỏ.

Việc chữ quốc ngữ được dạy trong trường học, dù mới chỉ ở 3 lớp đầu của bậc tiểu học, cũng đã tạo cho lớp trẻ em từ 7-11 tuổi tiếp xúc được với những kiến thức đơn giản về khoa học thường thức, vệ sinh, ngôn ngữ, trở thành lớp người biết đọc, biết viết, biết làm tính, biết vẽ hình... Với tám bảng Sơ học yếu lược, những học sinh nghèo nhưng giàu ý chí, dù không có điều kiện tiếp tục học vẫn có thể kiếm sống bằng nghề dạy học ở các lớp sơ học... Việc tiếng Pháp được sử dụng phổ biến và bắt buộc trong các trường học, ở một khía cạnh nào đó, đã giúp cho một bộ phận học sinh, trí thức Việt Nam một phương tiện hữu ích để có thể giao lưu với văn hóa Pháp và phương Tây, tiếp xúc trực tiếp với những hệ tư tưởng mới của thời đại, tạo cơ hội để có được một tầm nhìn khác với các trí thức Nho học cũ.

Với ưu thế của một nền giáo dục

hiện đại nằm trong sự quản lý của chính quyền có một số quan chức thực dân “tâm huyết” với việc từng bước đổi mới mở mang giáo dục, nền giáo dục “tân học” ở Nam Kỳ thời Pháp đô hộ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đã từng bước khẳng định vai trò tích cực đối với một bộ phận trẻ em và thanh thiếu niên học sinh bấy giờ bằng lối dạy học mới mẻ, nội dung học tập phong phú với nhiều môn học khác nhau về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và ngoại ngữ, việc thi cử và hệ thống bằng cấp quy củ, đa dạng, nhiều loại hình lớp học, cấp học có hệ thống chặt chẽ và được tổ chức rộng khắp... Đó là những yếu tố thể hiện sự vượt trội so với nền giáo dục Nho học đã trở nên lỗi thời. Từ lợi thế này, chương trình học của nền giáo dục mới đã dần dần thay thế những nguyên lí Nho giáo xưa cũ, tách nền giáo dục Việt Nam khỏi ảnh hưởng của Trung Hoa, đặt nền tảng xây dựng nền giáo dục theo hướng hiện đại, một nền giáo dục chú trọng “thực

nghiệp” và “hợp thời”, phần nào an ủi cho tâm huyết của những nhà canh tân cuối thế kỉ XIX như Nguyễn Trường Tộ, Nguyễn Lộ Trạch... về một nền giáo dục được đề ra trong “Thời vụ sách”, “Tế cấp bát điều”...

Nền giáo dục mới với hệ thống trường công lập do thực dân Pháp tổ chức và điều hành đã dần dần thay thế cho giáo dục Nho học từ nội dung, phương pháp sư phạm, tổ chức trường lớp đến chữ viết. Mục tiêu của việc mở mang phát triển giáo dục là phục vụ cho công cuộc khai thác thuộc địa và truyền bá văn hóa Pháp, song cũng đào tạo cho xã hội Việt Nam một lớp trí thức ở nhiều trình độ khác nhau và tham gia vào nhiều ngành nghề đa dạng. Những kiến thức đã được trang bị trong nhà trường trở thành hành trang quý báu của những cựu học sinh Nam Kỳ trên con đường hoạt động cách mạng, trong phong trào yêu nước chống thực dân Pháp giành độc lập dân tộc ở nửa đầu thế kỉ XX.

<sup>1</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn - *Đại Nam thực lục chính biên*, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1965, Tập II, tr.318.

<sup>2</sup> *Journal officiel de l'Indochine française*, số 29, ngày 10-4-1918, tr.607. Theo Đào Thị Diễm, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I “100 năm Đại học Quốc gia Hà Nội”.

<http://100years.vnu.edu.vn:8080/BTDHQGHNVietnamese/C1787/2006/03/N7403>

<sup>3</sup> Nguyễn Đình Chiểu, *Văn tế Trương Định* (1864).

<sup>4</sup> Thông đốc tạm quyền của Nam Kỳ Krantz (tháng 3-tháng 11-1874).

<sup>5</sup> *Journal officiel de l'Indochine française*, số 29, ngày 10-4-1918, tr.607. Theo Đào Thị Diễm, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia I “100 năm Đại học Quốc gia Hà Nội”.

<http://100years.vnu.edu.vn:8080/BTDHQGHNVietnamese/C1787/2006/03/N7403>

<sup>6</sup> Trước năm 1917, thuật ngữ **giáo dục Pháp-An Nam** được dùng để dịch từ Pháp *Enseignement Franco-Indigène*. Thuật ngữ phổ biến là *giáo dục Pháp-bản xứ*, được dùng trên toàn Đông Dương.

<sup>7</sup> Paulin Vial, *L'instruction publique en Cochinchine* (Giáo dục công ở Nam Kỳ), Paris, 1872.

<sup>8</sup> J. Besançon, *Rapport sur l'enseignement en Indochine* (1886), Tư liệu Viện Sử học, bản dịch của Nguyễn Gia Phú.

<sup>9</sup> Theo thống kê của Paullus và Boïnais trong *La France en Indochine*, bản dịch của Nguyễn Gia Phú.

<sup>10</sup> J. Besançon trong *Rapport sur l'enseignement en Indochine* (1886), Tư liệu Viện Sử học, bản dịch của Nguyễn Gia Phú.

<sup>11</sup> J. Besançon, *Rapport sur l'enseignement en Indochine* (1886), Tư liệu Viện Sử học, bản dịch của Nguyễn Gia Phú.

<sup>12</sup> Dumoutier M.G. *L'Enseignement Franco-Annamite* (A l'Exposition Universelle de 1900). Hanoi:

Imprimerie Type-Lithographique F.-H. Schneider, 1900, p.27.

<sup>13</sup> Năm 1925, Nguyễn Ái Quốc, trong bài viết “Chính sách ngu dân” lên án chế độ thực dân Pháp (*Hồ Chí Minh toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t.1, tr.398-400) đã viết “Ông Mácxo, văn sĩ thuộc địa, đã viết câu sau đây lột tả được đúng tư tưởng đang thống trị trong đầu óc của các nhà cai trị của chúng ta: *Chúng ta chỉ cần dạy tiếng Pháp cho người An Nam, dạy cho họ biết đọc, biết tính toán chút ít thôi; biết hơn nữa chỉ là thừa vô ích*”.

<sup>14</sup> *Gia Định báo* là tờ báo chữ quốc ngữ đầu tiên được xuất bản tại Nam Kỳ (1865), do Trương Vĩnh Ký làm chủ bút.

<sup>15</sup> Theo Emile Roucoules, “Etude sur l’instruction publique en Cochinchine” (Khảo luận về nền học chính tại Nam Kỳ), đăng trong Bulletin de la Société des Études Indochinoises (B.S.E.I) de Saigon, 1889/ 2e semestre/ Séance du 23 octobre 1889), dịch giả Lại Như Bằng,

[http://chimviet.free.fr/40/lmb\\_hocchinhnamky\\_roucoules.htm](http://chimviet.free.fr/40/lmb_hocchinhnamky_roucoules.htm). Ngày 23-10-1889, tại một cuộc họp của Hội Nghiên cứu Đông Dương (Société des Etudes l’ Indochinoises), Emile Roucoules, giữ chức phó chủ tịch Hội này, từng là Giám đốc trường trung học Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn, đã có bản báo cáo nhan đề “*Etude sur l’instruction publique en Cochinchine*” (Khảo luận về nền học chính tại Nam Kỳ). Trong bản báo cáo này, hoạt động của chính quyền Nam Kỳ và tình hình mọi mặt của giáo dục Nam Kỳ trong gần 30 năm (1862-1889), trong đó có thời kì tính từ khi Nam Kỳ bị chiếm toàn bộ (1867), đã được Emile Roucoules trình bày khái quát, có những con số và tên người cụ thể, ngày tháng và nội dung của các quyết định của chính quyền liên quan đến quản lí giáo dục, tóm tắt tình hình tổ chức hệ thống giáo dục, chương trình, sách giáo khoa, đánh giá kết quả giáo dục và nêu những đề nghị. Đây là một sử liệu quý cung cấp những thông tin cụ thể xác thực và những nhận định của một quan chức giáo dục đương thời, góp phần phản ánh diện mạo của Nho học và giáo dục công lập tại Nam Kỳ bấy giờ.

<sup>16</sup> Sau Nghị định ngày 17-2-1869 của Thống đốc Nam Kỳ Ohier, ngoài Sài Gòn, một số trường học dành cho người Việt lần lượt được mở tại Cần Thơ, Sóc Trăng, Gò Công, Tân An, Rạch Giá, Cần Giuộc... với chương trình gồm học viết chữ Pháp, tiếng Pháp cơ bản. Chính quyền lập ra một ủy ban soạn thảo một quyển văn phạm, một quyển từ điển giúp học tiếng Pháp và phổ biến cho các trường này.

<sup>17</sup> Cách tổ chức trường sư phạm kiểu này được duy trì nhiều năm sau, chẳng hạn theo một quy định vào năm 1886: “*Một giáo viên, dưới quyền hiệu trưởng trường sư phạm, sẽ điều hành một trường tiểu học phụ thuộc gồm 50 học sinh ngoại trú. Trong trường này, học viên sư phạm có thể thực tập dạy học*” (Lại Như Bằng trích dịch đoạn Nghị định-A.G. 25 février 1886, Art 3-“*Un instituteur dirigera, sous l’autorité du directeur de l’école normale, l’école primaire annexe et formée de 50 élèves externes, dans laquelle des élèves-maîtres seront exercés à la pratique de l’enseignement.*”)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh, *Toàn tập* (1995), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
2. Hồ Hữu Nhựt (1999), *Lịch sử giáo dục Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh* (1698 – 1998), Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn TP HCM.
3. Quốc sử quán triều Nguyễn (1965), *Đại Nam thực lục chính biên*, Tập II, nguyên văn chữ Hán, bản dịch của Viện Sử học, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Trần Thị Thanh Thanh (2011), *Hỏi và đáp về giáo dục ở Nam Bộ thời kì 1867-1945*, Công trình NCKH, Trường Đại học Sư phạm TP HCM.
5. Cao Tự Thanh (1996), *Nho giáo ở Gia Định*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, TP HCM.
6. Nguyễn Đăng Tiến (chủ biên) (1996), *Lịch sử giáo dục Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám 1945*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
7. Nguyễn Văn Trung (1963), *Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, thực chất và huyền thoại*, Nam Sơn xuất bản, Sài Gòn.
8. Dumoutier M.G. *L’Enseignement Franco-Annamite*, Hanoi, Imprimerie Type-Lithographique F.-H. Schneider, 1900.

9. “Étude sur l'instruction publique en Cochinchine”, *Bulletin de la Société des Études Indochinoise (B.S.E.I) de Saigon*, 1889/ 2e semestre/ Séance du 23 octobre 1889.
10. J. Besançon (1886), *Rapport sur l'enseignement en Indochine*, Tư liệu Viện Sử học, Nguyễn Gia Phú.
11. Milton E. Osborne, *The French Presence in Cochinchina and Cambodia, Rule and Response (1859-1905)*, Ithaca and London: Cornell University Press, 1969.
12. Thống kê của Paullus và Boinais trong *La France en Indochine*, Tư liệu Viện Sử học, Nguyễn Gia Phú.
13. Paulin Vial, *L'instruction publique en Cochinchine*, Paris, 1872, Tư liệu Viện Sử học, Nguyễn Gia Phú.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 06-01-2014; ngày phản biện đánh giá: 10-02-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 17-7-2014)

## TỪ NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA SINH VIÊN MỚI TỐT NGHIỆP...

(Tiếp theo trang 18)

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Quang Dương (2010), *Tư vấn hướng nghiệp*, Nxb Trẻ.
2. Diane Tillman (2009), *Những giá trị sống cho tuổi trẻ*, Nxb Tổng hợp, TPHCM.
3. Huỳnh Văn Sơn (2011), *Thực trạng kỹ năng sống của sinh viên một số trường đại học tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ năm 2010, mã số B.2010.19.64, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
4. Huỳnh Văn Sơn (2009), *Nhập môn kỹ năng sống*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Phát triển kỹ năng mềm của sinh viên đại học sư phạm*, Nxb Giáo dục.
6. Huỳnh Văn Sơn (2012), *Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học sư phạm*, Đề tài khoa học cấp Bộ, mã số B.2012.19.05, Trường Đại học Sư phạm TPHCM.
7. Nguyễn Quang Hiến (1999), *Thị trường lao động, thực trạng và giải pháp*, Nxb Thống kê.
8. Trần Minh Trung (1999), “Để có việc làm cho người lao động”, *Tạp chí Thương mại*.
9. <http://www.lhu.edu.vn>.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 06-01-2014; ngày phản biện đánh giá: 10-02-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 17-7-2014)

